

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 26/12/2022

V/v “Tranh chấp về chia
tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc
Bà Đặng Thị Ánh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23, 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLPT-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình số: 93/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **A**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Số G, ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Hoàng Thụy
– Văn phòng luật sư Trần Bá Tước thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **M**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn A.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà A trình bày:

Bà và ông M đã ly hôn theo Bản án số 108/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Về tài sản chung gồm có:

1. Nhà và đất tại số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 19, diện tích 62,3m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 05828 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/3/2019. Bà và ông M thỏa thuận thống nhất giá 1.000.000.000 đồng.

2. Căn nhà tại số C, đường W, Phường Q, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, được xây dựng trên thửa đất số 334, tờ bản đồ số 5, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05344 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 19/12/2014. Bà và ông M thỏa thuận thống nhất chi phí sửa chữa nhà với số tiền 150.000.000 đồng. Phần đất là tài sản của gia đình ông Minh, nhà hiện nay đã chuyển nhượng cho người khác.

3. Các vật dụng trong nhà gồm: 01 bộ ghế salon gỗ trị giá 9.450.000 đồng; 01 tivi hiệu Samsung trị giá 6.000.000 đồng; 01 máy lạnh hiệu LG trị giá 6.400.000 đồng; 01 máy giặt hiệu Toshiba trị giá 2.500.000 đồng; 01 giường gỗ trị giá 1.500.000 đồng; 01 amply và 02 thùng loa trị giá 800.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu LG trị giá 1.000.000 đồng; 01 tivi hiệu LCD trị giá 300.000 đồng.

4. 10 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K do ông M đang quản lý; 02 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trị giá 250.000.000 đồng và 150.000.000 đồng do ông M quản lý.

Bà yêu cầu chia đôi toàn bộ các tài sản chung nêu trên, bà nhận nhà và đất tại số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đối với số tiền trúng 02 tờ vé số ngày 19/12/2017, sau khi trừ thuế và hoa hồng cho Đại lý còn thực lĩnh là 3.575.000.000 đồng. Bà lập 01 tài khoản trị giá 3.000.000.000 đồng và 01 tài khoản 400.000.000 đồng, còn lại 175.000.000 đồng để vợ chồng chi xài. Tuy nhiên, hiện nay số tiền này đã hết, chỉ còn 400.000.000 đồng trong 02 tài khoản mà ông M đứng tên nêu trên.

Các khoản đã chi bao gồm: 400.000.000 đồng chi xài trong gia đình; 1.000.000.000 đồng mua nhà và đất tại Phường J; sửa nhà Phường Q là 150.000.000 đồng; mua vật dụng trong nhà 80.000.000 đồng; làm tự thiện 50.000.000 đồng, trị bệnh cho ông M 190.000.000 đồng; đi mẹ Nam Hải ở Bạc Liêu 05 lần 50.000.000 đồng; làm sân cho mẹ ông M 22.000.000 đồng; cho em ông M 8.000.000 đồng, mua 01 xe Vision trị giá 36.000.000 đồng; mua 01 xe Future trị giá 38.000.000 đồng, mua điện thoại trị giá 8.000.000 đồng và đưa cho ông M 350.000.000 đồng mua vàng.

- Bị đơn ông M có yêu cầu phản tố trình bày:

Ông thống nhất tài sản chung gồm có: Nhà và đất ở Phường J; nhà ở Phường Q; các tài sản vật dụng trong nhà (riêng 01 giường gỗ là tài sản riêng của ông); 10 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K hiện do ông đang quản lý.

Đối với 02 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trị giá 250.000.000 đồng và 150.000.000 đồng ông không quản lý. Chỉ còn lại số tiền 250.000.000 đồng, do đã rút hết và ông yêu cầu giữ lại cá nhân của riêng ông, do ông là người mua vé số trúng.

Ông yêu cầu Tòa án xem xét số tiền chi thực tế trong số tiền trúng số gồm:

1. Tiền sửa lại căn nhà cho mẹ ông mà ông và bà A cùng ở, bà A khai 150.000.000 đồng, định giá 58.693.538 đồng. Ông và bà A thỏa thuận thống nhất chi phí sửa chữa nhà với số tiền 150.000.000 đồng.

2. Tiền mua căn nhà và đất tại số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Ông thống nhất giá bà A đưa ra là 1.000.000.000 đồng.

3. Số tiền mua vàng có hóa đơn là 94.081.000 đồng (bà A khai 350.000.000 đồng).

4. Tiền trong sổ tiết kiệm và đã rút ra hết chỉ còn 250.000.000 đồng (bà A khai 400.000.000 đồng).

5. Tiền cho em gái ông 8.000.000 đồng.

6. Làm từ thiện 20.000.000 đồng (bà A khai 50.000.000 đồng), ông không chấp nhận.

7. Mua 02 xe mô tô có hóa đơn là 69.000.000 đồng (bà A khai 74.000.000 đồng, ông cũng thống nhất).

8. Mua đồng hồ, điện thoại là do ông mua từ tài sản riêng của ông không liên quan tiền trúng số.

9. Tiền thuốc trị bệnh cho ông là 14.000.000 đồng (bà A khai 190.000.000 đồng).

10. Tiền làm sân nhà 10.000.000 đồng (bà A khai 22.000.000 đồng).

11. Số tiền mua sắm tài sản vật dụng trong nhà có hóa đơn mua hàng là 29.000.000 đồng (trong đó: 01 bộ ghế salon 11.000.000 đồng; 01 tivi Samsung; 01 máy lạnh LG là 18.000.000 đồng). Các vật dụng trong nhà ông yêu cầu nhận hiện vật.

12. Nhà và đất tại số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Ông yêu cầu chia đôi, ông nhận hiện vật là nhà.

13. Căn nhà tại số C, đường W, Phường Q, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, được xây dựng trên thửa đất số 334, tờ bản đồ số 5, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05344 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 19/12/2014. Giá trị căn nhà là 58.693.538 đồng và đã chuyển nhượng cho người khác, nên thống nhất giá là 150.000.000 đồng và ông hoàn lại cho bà A $\frac{1}{2}$ giá trị là 75.000.000 đồng. Riêng phần đất là tài sản của gia đình ông.

Đôi với nhà và đất tại số R, khóm Đ, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do F, sinh năm 1984 (con ruột bà A) đứng tên. Đây là tài sản chung của ông và bà A, nhưng ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 108/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử lần 1 đã quyết định:*

1. Về hôn nhân: Cho bà A ly hôn ông M.

2. Về chia tài sản:

Bà A được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt các tài sản gồm: Căn nhà và đất tại số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long gắn liền Thửa đất số 107, tờ bản đồ 19, diện tích 62,3m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS 05828, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/3/2019); 01 bộ ghế salon gỗ; 01 tivi hiệu Samsung; 01 máy lạnh hiệu LG; 01 máy giặt hiệu Toshiba; 01 giường gỗ; 01 Amply và 02 thùng loa; 01 tủ lạnh hiệu LG; 01 tivi hiệu LCD và số tiền đang quản lý 2.710.000.000 đồng.

Ông M được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt các tài sản gồm: Căn nhà số C, đường W, Khóm U, Phường Q, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long gắn liền với thửa đất số 334, tờ bản đồ 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 05344, do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp ngày 19/12/2014); số tài sản đang quản lý là 250.000.000 đồng; 10 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K.

Buộc bà A có trách nhiệm hoàn lại cho ông M số tiền trong khối tài sản chung là 1.430.663.800 đồng.

Buộc ông M có trách nhiệm hoàn lại cho bà A 05 chỉ vàng 18K và 2,5 chỉ vàng 24K.

Không chấp nhận phần yêu cầu của bà A về việc yêu cầu ông M chia số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với án sơ thẩm đã tuyên về chia tài sản chung, bà A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 22/2020/HNGĐ-PT ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lần 1 đã quyết định:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà A.

Về hôn nhân: Cho bà A được ly hôn với ông M.

Về chia tài sản chung:

1. Buộc ông M giao cho bà A căn nhà số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long gắn liền thửa đất số 107, tờ bản đồ số 19, diện tích 62,3m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 05828, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/3/2019. Buộc bà A hoàn cho ông M số tiền 216.035.565 đồng. Bà A có quyền đến cơ quan chức năng lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

2. Buộc ông M giao cho bà A các tài sản gồm: 01 bộ ghế salon gỗ; 01 tivi hiệu Samsung; 01 máy lạnh hiệu LG; 01 máy giặt hiệu Toshiba; 01 giường gỗ; 01 am ly và 02 thùng loa; 01 tủ lạnh hiệu LG; 01 tivi hiệu LCD. Bà A phải hoàn ½ giá trị tài sản cho ông M là 13.975.000 đồng.

3. Công nhận cho ông M căn nhà số C, gắn liền với thửa đất số 334, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại đường W, Khóm U, Phường Q, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 05344, do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 19/12/2014. Ông M phải hoàn cho A số tiền 29.346.769 đồng.

4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông M có nghĩa vụ giao cho bà A 05 chỉ vàng 18K và 2,5 chỉ vàng 24K.

5. Đối với số tiền trúng thưởng còn lại mỗi người được nhận là 969.959.500 đồng, khấu trừ số tiền ông M đang quản lý là 300.000.000 đồng. Buộc bà A có nghĩa vụ giao cho ông M 669.959.500 đồng.

Ngoài ra bản án phúc thẩm còn tuyên về án phí và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 05/10/2020 ông M có đơn đề nghị kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

- *Tại quyết định giám đốc thẩm số: 28/2021/HNGĐ-GĐT ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số: 22/2020/HNGĐ-PT ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 108/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (phần chia tài sản). Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm phần chia tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2022/HNGĐ-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử lần 2 đã tuyên xử:*

1. Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A và một phần yêu cầu phản tố của ông M.

1.1. Chia cho ông M giá trị của căn nhà số C, đường W, Phường Q, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, được xây dựng trên thửa đất số 334, tờ bản đồ số 5 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05344 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 19/12/2014). Nhà hiện nay đã chuyển nhượng cho người khác.

1.2. Chia cho ông M được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà gắn liền với diện tích 62,3m²; thuộc thửa số 107; tờ bản đồ số 19; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; tọa lạc tại số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS 05828, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/3/2019). Nhà - đất hiện nay do ông M đang quản lý, sử dụng.

1.3. Chia cho ông M được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng các vật dụng trong nhà gồm: 01 bộ ghế salon gỗ, 01 tivi hiệu Samsung, 01 máy lạnh hiệu LG, 01 máy giặt hiệu Toshiba, 01 giường gỗ, 01 amply và 02 thùng loa, 01 tủ lạnh hiệu LG, 01 tivi hiệu LCD. Các vật dụng trong nhà hiện nay do ông M đang quản lý, sử dụng.

1.4. Chia cho ông M 10 (mười) chỉ vàng 18K và 05 (năm) chỉ vàng 24K. Vàng hiện nay do ông M đang quản lý.

1.5. Đối với số tiền trúng thưởng xổ số sau khi trừ các khoản chi, bà A hiện nay đang quản lý số tiền 1.928.689.000đ (một tỷ chín trăm hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Chia cho bà A số tiền 1.708.252.500đ (một tỷ bảy trăm lẻ tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng). Buộc bà A có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản chung cho ông M với số tiền là 220.436.500đ (hai trăm hai mươi triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

1.6. Ông M có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

1.7. Không chấp nhận phần yêu cầu của bà A về việc yêu cầu ông M chia số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá tài sản, án phí, nghĩa vụ thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 10/10/2022, nguyên đơn bà A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa án sơ thẩm về chia tài sản theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Bà A không phải hoàn trả lại cho ông M số tiền chênh lệch tài sản chung là 220.436.500đ và giao cho bà A được quyền sở hữu và sử dụng nhà, đất tại số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Ngày 12/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long kháng nghị một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2022/ST-HNGĐ ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

1. Về giá trị các vật dụng trong nhà:

Tổng trị giá các vật dụng trong nhà mà ông M và bà A đã thừa nhận bằng số tiền là 27.950.000đ, trong đó gồm: 01 bộ ghế salon gỗ trị giá 9.450.000 đồng; 01 tivi hiệu Samsung trị giá 6.000.000 đồng; 01 máy lạnh hiệu LG trị giá 6.400.000 đồng; 01 máy giặt hiệu Toshiba trị giá 2.500.000 đồng; 01 giường gỗ trị giá 1.500.000 đồng; 01 amply và 02 thùng loa trị giá 800.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu LG trị giá 1.000.000 đồng; 01 tivi hiệu LCD trị giá 300.000 đồng. Tuy nhiên, án sơ thẩm tính toán sai và tuyên tổng trị giá các vật dụng trong nhà là 21.850.000đ là chưa chính xác. Mặt khác, đối với các vật dụng trong nhà giao cho ông M sở hữu nhưng không buộc ông M hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà A là thiếu sót.

2. Về tiền sửa chữa căn nhà: Án cấp sơ thẩm chia cho ông M giá trị của căn nhà số C, đường W, Phường Q, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long nhưng không tuyên rõ giá trị căn nhà thành tiền là bao nhiêu để buộc nghĩa vụ chịu án phí đối với ông M là thiếu sót.

3. Về số tiền gửi tiết kiệm 250.000.000đ: Tại phần nhận định số tiền gửi tiết kiệm 250.000.000đ ông M quản lý là tài sản chung vợ chồng nên mỗi người nhận $\frac{1}{2}$, nhưng tại phần quyết định không đề cập và không tuyên cụ thể về số tiền này là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi bà A.

4. Ngoài ra, án sơ thẩm giao cho ông M sở hữu căn nhà tại Phường J và 10 chỉ vàng 18K + với 05 chỉ vàng 24K, nhưng không nêu giá trị cụ thể là bao nhiêu để buộc nghĩa vụ chịu án phí đối với ông M là chưa đầy đủ.

5. Do sửa một phần án sơ thẩm về chia tài sản nên án phí cần được sửa lại theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

+ Nguyên đơn bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

+ Bị đơn ông M không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, không có ý kiến gì về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, thống nhất với bản án sơ thẩm đã tuyên, không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Đồng thời, ông M tự nguyện giảm 50.000.000 đồng trong tổng số tiền 220.436.500đ mà án sơ thẩm đã tuyên buộc bà A có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản chung cho ông M.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long rút lại một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đối với các nội dung như sau: Không buộc ông M giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị các vật dụng trong nhà cho bà A; Không tuyên rõ giá trị căn nhà tại Phường Q thành tiền là bao nhiêu để buộc nghĩa vụ chịu án phí đối với ông M; Không đề cập và không tuyên cụ thể về số tiền gửi tiết kiệm là 250.000.000đ mà ông M quản lý là tài sản chung vợ chồng nên mỗi người nhận $\frac{1}{2}$; Giao cho ông M sở hữu căn nhà tại Phường J và 10 chỉ vàng 18K + với 05 chỉ vàng 24K, nhưng không nêu giá trị cụ thể là bao nhiêu để buộc nghĩa vụ chịu án phí đối với ông M. Đối với phần nội dung kháng nghị còn lại vẫn giữ nguyên.

- *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại các khoản chi mà bà A đã liệt từ số tiền trúng thưởng xổ số, vì thực tế các khoản chi này diễn ra trong thời gian dài và rất thực tế nên bà A không thể giữ lại hết các chứng từ, nhưng bà có cung cấp hình ảnh các lần đi du lịch để chứng minh.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*

+ Về tính hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn kháng cáo, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long kháng nghị đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

+ Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà A. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 93/2022/ST-HNGĐ ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận kháng cáo đối với các khoản chi mà bà A liệt kê như: Chi phí điều trị bệnh cho ông M; chi tiêu trong gia đình, chi phí đi du lịch; làm từ thiện; chi phí mua vật dụng trong nhà tính theo đơn giá tại thời điểm mua sắm sau khi trúng thưởng xổ số. Các tài sản hiện nay ông M quản lý sử dụng như: Giá trị nhà ở Phường Q; nhà, đất ở Phường J; các vật dụng trong nhà; số vàng; số tiền 250.000.000đ nên tiếp tục giao cho ông M sở hữu và sử dụng là phù hợp. Tuy nhiên, số tiền mà bà A được chia so với tổng giá trị tài sản mà ông M quản lý có chênh lệch nên buộc ông M có trách nhiệm hoàn lại cho bà A số tiền chênh lệch sau khi chia đôi tài sản chung là 44.623.500 đồng.

Áp dụng Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần đã rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tại phiên tòa phúc thẩm.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí cho bà A do thuộc trường hợp người cao tuổi. Ông M phải tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 55.198.275 đồng.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- *Phần tranh luận*: Nguyên đơn, bị đơn, đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều không có tranh luận và vẫn bảo lưu ý kiến cũng như quan điểm đã trình bày tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn kháng cáo, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long kháng nghị đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Bà kháng cáo yêu cầu không phải hoàn trả lại cho ông M số tiền chênh lệch tài sản chung được chia là 220.436.500đ và giao cho bà A được quyền sở hữu và sử dụng nhà, đất tại số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Xét tài sản chung của bà A và ông M được xác định và được chia cho mỗi bên, cụ thể như sau:

2.1. Nhà và đất tại số , đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (gọi tắt: nhà, đất tại Phường 1): Theo thỏa thuận của bà A và ông M trị giá **1.000.000.000 đồng**. Xét căn nhà này do ông M trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định từ khi ông M, bà A ly hôn với nhau từ năm 2019, bà A đã có nơi ở khác nên tiếp tục giao cho ông M được sở hữu và sử dụng theo như án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

2.2. Căn nhà số C, đường W, Phường Q, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (gọi tắt: nhà tại Phường Q) do ông M quản lý: Theo thỏa thuận của bà A và ông M trị giá **150.000.000 đồng**. Riêng phần đất có căn nhà này gắn liền không có tranh chấp và đã sang nhượng cho người khác theo như án sơ thẩm nhận định là phù hợp.

2.3. Đối với các vật dụng trong nhà do ông M quản lý gồm: 01 bộ ghế salon g; 01 tivi hiệu Samsung; 01 máy lạnh hiệu LG; 01 máy giặt hiệu Toshiba; 01 giường gỗ; 01 amply và 02 thùng loa; 01 tủ lạnh hiệu LG; 01 tivi hiệu LCD. Án sơ thẩm căn cứ vào giá trị tại thời điểm định giá để chia là chưa phù hợp, hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm thì ông M và bà A khai chưa thống nhất. Do đó, cần xác định lại các loại tài sản này có trước hay sau thời điểm trúng thưởng xổ số, vì nguồn tiền mua sắm tài sản được trích từ tiền trúng thưởng xổ số, qua đó mới đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi bên.

- Các vật dụng trong nhà giữa ông M và bà A thống nhất: 01 bộ ghế salon gỗ tại thời điểm mua với giá là 11.500.000 đồng; 01 tivi hiệu Samsung tại thời điểm mua với giá là 14.000.000 đồng; 01 máy lạnh hiệu LG tại thời điểm mua với giá là 11.000.000 đồng; 01 giường gỗ trị giá 1.500.000 đồng.

- Các vật dụng trong nhà giữa ông M và bà A chưa thống nhất, nên căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 29/8/2019 (BL số 180, 181) được xác định như sau: 01 máy giặt hiệu Toshiba mua năm 2007, trị giá 2.500.000 đồng; 01 amply và 02 thùng loa trị giá 800.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu LG mua năm 2007, trị giá 1.000.000 đồng; 01 tivi hiệu LCD trị giá 300.000 đồng.

Tổng cộng các khoản nêu trên là: (11.500.000 đồng + 14.000.000 đồng + 11.000.000 đồng + 1.500.000 đồng + 2.500.000 đồng + 800.000 đồng + 1.000.000 đồng + 300.000

đồng) = **42.600.000 đồng**. Do tài sản ông M đang quản lý nên tiếp tục giao cho ông sở hữu là phù hợp.

2.4. Đối với số tiền trúng thưởng xổ số kiến thiết sau khi trừ thuế, hoa hồng cho đại lý vé số, bà A quản lý 3.575.000.000 đồng. Số tiền này đã chi gồm các khoản sau:

2.4.1. Sang nhượng nhà, đất ở tại Phường J là 1.000.000.000 đồng như đã nhận định tại tiểu mục 2.1.

2.4.2. Nhà ở tại Phường Q là 150.000.000 đồng như đã nhận định tại tiểu mục 2.2.

2.4.3. Cho em gái ông M 8.000.000 đồng + mua 02 xe máy giá trị 74.000.000 đồng, tổng cộng là **82.000.000 đồng**. Khoản chi này bà A và ông M thống nhất.

2.4.4. Về khoản tiền mua vàng: Bà A khai 350.000.000 đồng, nhưng hóa đơn chứng từ ông M cung cấp thể hiện 94.081.000 đồng. Cấp sơ thẩm căn cứ hóa đơn chứng từ do ông M cung cấp nên chấp nhận khoản chi **94.081.000 đồng** là có cơ sở.

2.4.5. Đối với khoản mua vật dụng đồ dùng: Bà A khai 80.000.000 đồng, nhưng khoản chi này đã được xác định tổng giá trị các vật dụng trong nhà tại tiểu mục **2.3** là 42.600.000 đồng + với hóa đơn chứng từ là 2.230.000 đồng. Do đó, chỉ chấp nhận khoản chi thêm **2.230.000 đồng** là có cơ sở.

2.4.6. Trả nợ Quỹ tín dụng: Bà A khai trả 90.000.000 đồng, ông M khai chỉ có 10.000.000 đồng, chứng từ thể hiện 20.000.000 đồng. Nên chấp nhận khoản chi **20.000.000 đồng** là có cơ sở.

2.4.7. Đưa cho ông M (sổ tiết kiệm) **250.000.000 đồng**.

2.4.8. Làm sân cho mẹ ông M: Bà A khai 22.000.000 đồng, ông M thừa nhận 10.000.000 đồng, bà A không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên chấp nhận lời thừa nhận của ông M **10.000.000 đồng** là có cơ sở.

2.4.9. Chi phí điều trị bệnh cho ông M: Bà A khai 190.000.000 đồng, chứng từ ông M cung cấp 14.000.000 đồng. Án sơ thẩm căn cứ chứng từ thể hiện **14.000.000 đồng** là phù hợp. Bởi lẽ, ông M điều trị bệnh có khoảng thời gian trước và sau khi trúng thưởng xổ số, bà A cho rằng có đi điều trị ở tuyến trên, nhưng chứng từ thể hiện ông M chỉ đi tái khám trong ngày thì về.

2.4.10. Về các khoản làm từ thiện cho địa phương và đi chùa: Bà A khai chi đã 50.000.000 đồng nhưng chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên chấp nhận lời thừa nhận của ông M **20.000.000 đồng** là có cơ sở.

2.4.11. Mua điện thoại: Bà A khai 8.000.000 đồng, ông M khai **4.000.000 đồng** nên chấp nhận lời trình bày của ông M, do bà A không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Tổng cộng các khoản chi nêu trên từ (2.4.1 đến 2.4.11) là (1.000.000.000 đồng + 150.000.000 đồng + 82.000.000 đồng + 94.081.000 đồng + 2.230.000 đồng + 20.000.000 đồng + 250.000.000 đồng + 10.000.000 đồng + 14.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 4.000.000 đồng) = **1.646.911.000 đồng**.

Như vậy, số tiền trúng thưởng 3.575.000.000 đồng trừ các khoản đã chi nêu trên, bà Anh quản lý: (3.575.000.000 đồng – 1.646.911.000 đồng) = **1.928.689.000 đồng**.

2.5. Đối với 10 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K: Bà A và ông M thống do ông M đang quản lý và qui đổi thành tiền: 10 chỉ vàng 18K (giá 3.964.100 đồng/chỉ x 10 = 39.641.000 đồng) và 05 chỉ vàng 24K (giá 5.265.000 đồng/chỉ x 05 = 26.325.000 đồng).

Tổng cộng là **65.966.000 đồng**.

2.6. Đối với khoản tiền gửi tiết kiệm 400.000.000 đồng: Bà A khai đã rút đưa ông M nhận 250.000.000 đồng, số tiền còn lại ghi trong sổ là 150.000.000 đồng. Căn cứ lời thừa nhận của ông M và các tài liệu, chứng cứ ông M cung cấp xác định những khoản chi từ số tiền 400.000.000 đồng mà bà A và ông M gửi tiết kiệm đã đưa cho ông M 250.000.000 đồng, số tiền còn lại chi trả cho bạn bè ông M và chi xài trong gia đình không còn. Do bà A chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nên chấp nhận lời thừa nhận của ông M còn đang giữ **250.000.000 đồng**.

2.7. Xét đối với khoản chi trả nợ vay cho bà O: Bà A khai 75.000.000 đồng, ông M không thừa nhận và do bà A không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên nên không có cơ sở chấp nhận khoản chi này.

2.8. Xét đối với khoản chi từ số tiền 175.000.000 đồng từ nguồn tiền trúng thưởng xổ số mà bà A và ông M không gửi tiết kiệm: Bà A khai do ông M quản lý và sử dụng bỏ túi riêng để xài, ông M khai mua vàng, làm từ thiện và chi tiêu trong gia đình và có các hóa đơn chứng từ chứng minh kèm theo nên số tiền này không còn là phù hợp.

2.9. Xét đối với số tiền lãi từ số tiền gửi tiết kiệm: Mỗi tháng bà A nhận tiền lãi 16.500.000 đồng trên số tiền vốn gốc 3.000.000.000 đồng và tiền lãi giảm dần theo số nợ gốc của số tiền 400.000.000 đồng cũng như khoản tiền lãi tại sổ tiết kiệm của ông M.

Bà A khai: Tiền lãi 03 tháng của số tiền 3.000.000.000 đồng là: (16.500.000 đồng/tháng x 03 tháng) = 49.500.000 đồng, đã chi tiêu sinh hoạt gia đình hết nên không có yêu cầu chia số tiền này. Tiền lãi của số tiền 400.000.000 đồng gửi không kỳ hạn và không nhớ lãi suất bao nhiêu %/tháng, chỉ gửi trong thời hạn 01- 02 tháng đã rút là tiêu xài hết.

Ông M khai: Tiền lãi của số tiền 3.000.000.000 đồng gửi từ ngày 20/12/2017 đến tháng 6/2018 là 06 tháng bằng số tiền: (16.500.000 đồng/tháng x 06 tháng) = 99.000.000 đồng là phù hợp với chứng từ giao dịch do Ngân hàng cung cấp. Đối với tiền lãi của số tiền 400.000.000 đồng thì bà A sử dụng vào việc gì thì ông M không biết. Còn số tiền lãi 99.000.000 đồng sử dụng vào mục đích cúng chùa, đi du lịch.

Như vậy, số tiền 175.000.000 đồng (tại mục 2.8) và số tiền lãi như đã nêu trên (tại mục 2.9) thực tế thì ông M và bà A đã sử dụng vào mục đích chi xài trong gia đình, đi du lịch, làm từ thiện ở địa phương, đi chùa ... trong khoảng thời gian 01 năm là tương đối phù hợp. Do đó, số tiền này hiện nay không còn là có cơ sở, hơn nữa ông M không có tranh chấp.

Từ những nhận định trên, xác định tổng giá trị tài sản chung của bà A và ông M là: (2.1) + (2.2) + (2.3) + (2.4) + (2.5) + (2.6) = 1.000.000.000 đồng + 150.000.000 đồng + 42.600.000 đồng + 1.928.689.000 đồng + 250.000.000 đồng + 65.966.000 đồng = **3.437.255.000 đồng**.

Như vậy mỗi người được chia là: (3.437.605.000 đồng : 2) = **1.718.627.500 đồng**.

Bà A đang quản lý số tiền 1.928.689.000 đồng nên có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản chung cho ông M với số tiền là: (1.928.689.000 đồng - 1.718.627.500 đồng) = **210.061.500 đồng**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của ông M giảm 50.000.000 đồng trong tổng số tiền mà bà A có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản chung cho ông M, nên

bà A chỉ hoàn lại cho ông M số tiền là: (210.061.500 đồng – 50.000.000 đồng) = **160.061.500 đồng**.

Do đó, kháng cáo của bà A cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được chấp nhận một phần. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2022/ST-HNGĐ ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát:

Như đã nhận định tại mục [2] nên quan điểm của đại diện Viện kiểm sát được chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với rút một phần kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm và xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà A.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 93/2022/ST-HNGĐ ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long về chia tài sản.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các Điều 147, 266, 273, 163, 164, 165, 166, 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 33, 59, 62, 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A và một phần yêu cầu phản tố của ông M.

1.1. Chia cho ông M giá trị của căn nhà số C, đường W, Phường Q, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, được xây dựng trên thửa đất số 334, tờ bản đồ số 5 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05344

do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 19/12/2014). Nhà hiện nay đã chuyển nhượng cho người khác.

1.2. Chia cho ông M được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà gắn liền với diện tích 62,3m²; thuộc thửa số 107; tờ bản đồ số 19; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; tọa lạc tại số S, đường V, Phường J, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS 05828, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/3/2019). Nhà - đất hiện nay do ông M đang quản lý, sử dụng.

1.3. Chia cho ông M được quyền sở hữu các vật dụng trong nhà gồm: 01 bộ ghế salon gỗ, 01 tivi hiệu Samsung, 01 máy lạnh hiệu LG, 01 máy giặt hiệu Toshiba, 01 giường gỗ, 01 amply và 02 thùng loa, 01 tủ lạnh hiệu LG, 01 tivi hiệu LCD. Các vật dụng trong nhà hiện nay do ông M đang quản lý, sử dụng.

1.4. Chia cho ông M 10 (mười) chỉ vàng 18K và 05 (năm) chỉ vàng 24K. Vàng hiện nay do ông M đang quản lý.

1.5. Chia cho bà A số tiền 1.718.627.500đ (một tỷ, bảy trăm mười tám triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) từ nguồn tiền trúng thưởng xổ số. Buộc bà A có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản chung cho ông M với số tiền là 160.061.500đ (một trăm sáu mươi triệu, không trăm sáu mươi một nghìn đồng, năm trăm đồng).

1.6. Ông M có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

1.7. Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu ông M chia số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần rút kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với các nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long như sau: Không buộc ông M giao lại ½ giá trị các vật dụng trong nhà cho bà A; Không tuyên rõ giá trị căn nhà tại Phường Q thành tiền là bao nhiêu để buộc nghĩa vụ chịu án phí đối với ông M; Không đề cập và không tuyên cụ thể về số tiền gửi tiết kiệm là 250.000.000đ mà ông M quản lý là tài sản chung vợ chồng nên mỗi người nhận ½; Giao cho ông M sở hữu căn nhà tại Phường J và 10 chỉ vàng 18K + với 05 chỉ vàng 24K, nhưng không nêu giá trị cụ thể là bao nhiêu để buộc nghĩa vụ chịu án phí đối với ông M.

3. Về án phí:

3.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà A. Hoàn trả cho bà A số tiền 3.425.000đ (ba triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004435 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3.2. Buộc ông M phải chịu 63.588.000đ (sáu mươi ba triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 25.500.000đ (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004548 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên ông M còn phải nộp thêm số tiền 38.058.000đ (ba mươi tám triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng) là đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND TP Vĩnh Long;
- CC THADS TP Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa